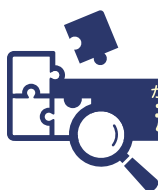


① 11-01	② 11-02	③ 11-03	④ 11-04	⑤ 11-05	⑥ 11-06
			,	,	

(2) もういちど聞きましょう。11-01 ~ 11-06
 Hãy nghe lại một lần nữa.



かたち ちゅうもく
形に注目

(1) 音声を聞いて、 にことばを書きましょう。11-07
 Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống.

しゅみ
 趣味は、 ですか？

ゲーム 。

アニメ 。

どくしょ えいが
 読書と映画 。

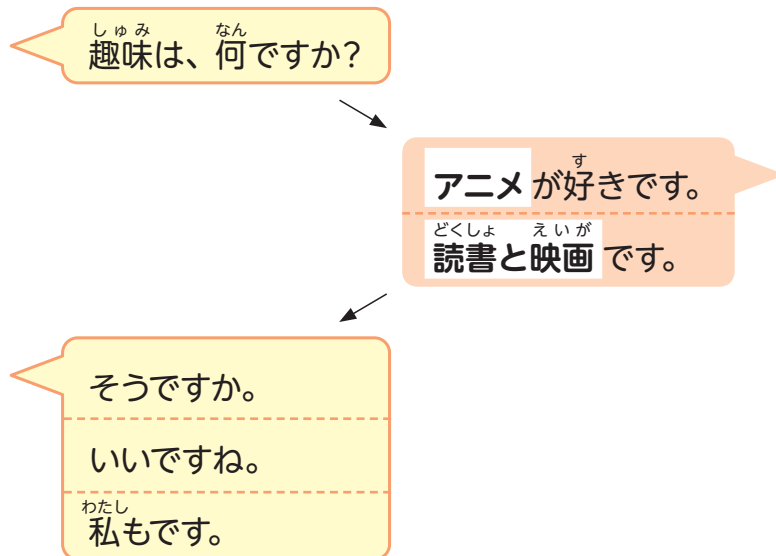
スポーツ 。あと、料理 。

! しゅみ 趣味をたずねたり、こた 答えたりするとき、い どのように言っていましたか。 → ぶんぽう 文法ノート ①、だい か 第5課 ①
 Cấu trúc nào đã được sử dụng khi hỏi, trả lời về sở thích?

(2) 形に注目して、会話をもういちど聞きましょう。11-01 ~ 11-06
 Hãy chú ý đến cấu trúc ngữ pháp và nghe lại hội thoại một lần nữa.

2 趣味を言いましょう。

Hãy nói về sở thích.



- (1) 会話を聞きましょう。 11-08 11-09
Hãy nghe hội thoại.

- (2) シャドーイングしましょう。 11-08 11-09
Hãy luyện nói đuổi.

- (3) **1** のことばを使って、練習しましょう。
Hãy sử dụng từ vựng trong phần **1** và luyện tập.

- (4) お互いに、趣味を聞きましょう。自分の趣味を日本語でどう言うかわからないときは、調べましょう。
Hãy hỏi nhau về sở thích. Tra cứu nếu bạn không biết nói sở thích của mình bằng tiếng Nhật như thế nào.



2. 「ドラゴンボール」が大好きです

Can-do 45

しゅみ す しつもん しつもん こと
趣味や好きなことを質問したり、質問に答えたりすることができる。
Có thể hỏi, trả lời về sở thích, những điều yêu thích.

1 会話を聞きましょう。

Hãy nghe hội thoại.

- ▶ にほんご やす じかん じゅんじゅん さん と ちょう さんが、おたが しゅみ について 話しています。
Jun Jun-san và Zhao-san đang nói chuyện với nhau về sở thích của mình trong giờ nghỉ giải lao của lớp học tiếng Nhật.



- (1) はじめに、スクリプトを見ないで会話を聞きましょう。🔊 11-10

ふたり しゅみ なん
2人の趣味は、何ですか。a-i から選びましょう。

Trước hết, hãy nghe hội thoại mà không nhìn lời thoại. Sở thích của 2 người là gì? Hãy chọn từ a-i.

- | | | | | |
|---------|--------|--------|--------|--------|
| a. スポーツ | b. 音楽 | c. 映画 | d. 読書 | e. 買い物 |
| f. 料理 | g. ゲーム | h. マンガ | i. アニメ | |

ジュンジュンさん	ちょう 趙さん

(2) スクリプトを見ながら聞きましょう。🔊 11-10

ふたり ぐたいてき なに す い
2人は、具体的に、それぞれ何が好きだと言っていますか。メモしましょう。

Hãy nhìn lời thoại và nghe lại một lần nữa. Cụ thể 2 người đã nói thích những gì? Hãy ghi chép.

ジュンジュンさん	チョウ 趙さん
,	

チョウ しゅみ なん
趙：ジュンジュンさんの趣味は、何ですか？

ジュンジュン：スポーツです。

チョウ す
趙：へー、どんなスポーツが好きですか？

ジュンジュン：バスケットボールと水泳が好きです。

チョウ す
趙さんは、スポーツ、好きですか？

チョウ す
趙：うーん、スポーツは、あまり好きじゃないです。

ジュンジュン：そうですか。じゃあ、何が好きですか？

チョウ わたし す
趙：私は、マンガが好きです。

ジュンジュン：どんなマンガが好きですか？

チョウ す
趙：そうですねえ、「ドラゴンボール」が
だいす
大好きです。

ジュンジュン：ああ、いいですね。

そうですねえ

Để tôi xem nào.

かんが つか ひょうげん
考えるときに使う表現
Cách diễn đạt dùng khi suy nghĩ.

どんな loại nào | バスケットボール Bóng bầu dục | 水泳 bơi lội | 大好き(な) rất thích


 かたち ちゅうもく
形に注目

(1) 音声を聞いて、_____にことばを書きましょう。🔊 11-11
 Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống.

A: _____ スポーツが好きですか？

B: バスケットボールと水泳が好きです。

A: _____ マンガが好きですか？

B: 「ドラゴンボール」が大好きです。

スポーツは、_____好き_____です。

「ドラゴンボール」が_____です。

❗ 好きなものについて、くわしく知りたいとき、どう質問していましたか。→ 文法ノート ②
 Cấu trúc nào đã được sử dụng khi muốn biết cụ thể về điều yêu thích?

❗ 「あまり好きじゃない」は、どんな意味だと思いますか。また、とても好きなものを言うとき、
 どう言っていましたか。→ 文法ノート ③
 Theo bạn,あまり好きじゃない có nghĩa là gì? Ngoài ra, cấu trúc nào đã được sử dụng khi nói về điều rất thích?

(2) 形に注目して、会話をもういちど聞きましょう。🔊 11-10
 Hãy chú ý đến cấu trúc ngữ pháp và nghe lại hội thoại một lần nữa.

2 趣味や好きなことについて話しましょう。

Hãy nói về sở thích hay những điều yêu thích.

①

趣味は、何ですか？

スポーツです。

どんなスポーツが好きですか？

バスケットボールと水泳が好きです。

【スポーツ】

サッカー
bóng đá

ラグビー
Bóng bầu dục

バドミントン
cầu lông

卓球
bóng bàn

⋮

【読書 (本)】

ミステリー
bí ẩn

ファンタジー
giả tưởng

村上春樹
Murakami Haruki

夏目漱石
Natsume Soseki

⋮

【映画】

恋愛映画
phim lãng mạn

アクション映画
phim hành động

SF
SF (khoa học viễn tưởng)

ホラー
phim kinh dị

ハリー・ポッター
Harry Potter

スターウォーズ
Star Wars

⋮

【音楽】

ロック
nhạc rock

ジャズ
nhạc jazz

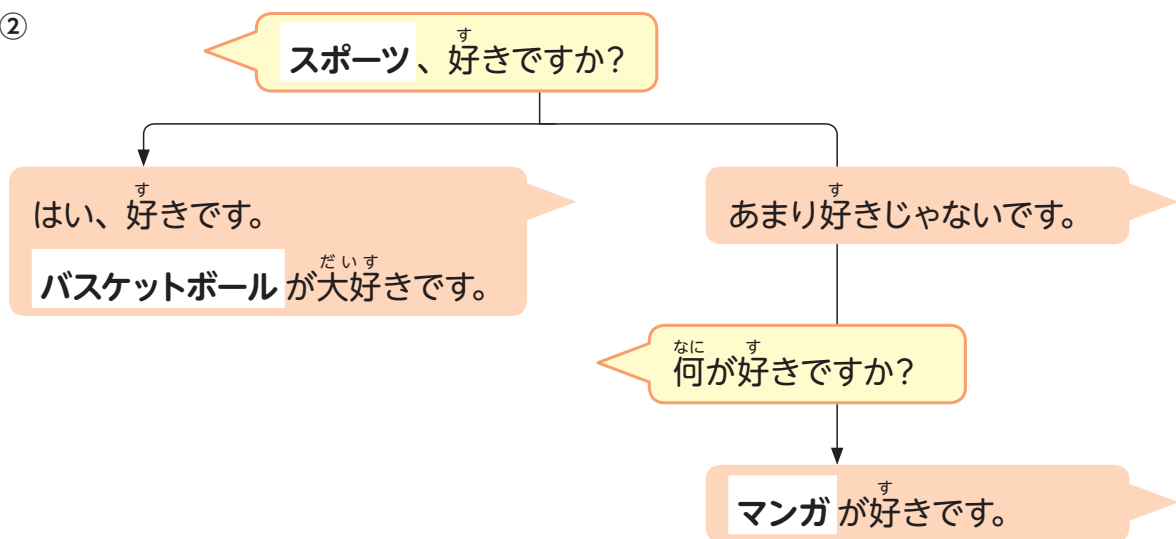
クラシック
nhạc cổ điển

クイーン
Queen

ショパン
Chopin

⋮

②



(1) 会話を聞きましょう。 11-12 / 11-13 11-14
 Hãy nghe hội thoại.

(2) シャドーイングしましょう。 11-12 / 11-13 11-14
 Hãy luyện nói đuổi.

(3) 趣味や好きなことについて、お互いに聞きましょう。
 言いたいことばが日本語でわからないときは、調べましょう。
 Hãy hỏi nhau về sở thích hay những điều yêu thích. Tra cứu nếu bạn không biết từ mà mình muốn nói bằng tiếng Nhật.



3. うちでゆっくりします

Can-do 46

やす ひ なに しつもん しつもん こた
休みの日に何をするか、質問したり、質問に答えたりすることができる。
Có thể hỏi, trả lời về việc làm gì trong ngày nghỉ.

1 ことばの準備

Chuẩn bị từ vựng

【休みの日】

a. 音楽を聞きます
(聞く)



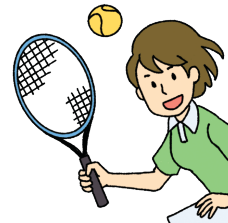
b. 本を読みます
(読む)



c. テレビを見ます
(見る)



d. スポーツをします
(する)



e. 掃除をします
(する)



f. 洗濯をします
(する)



g. 料理をします
(する)



h. ゲームをします
(する)



i. 散歩をします
(する)



j. 買い物をします
(する)



k. 勉強をします
(勉強する)



l. ゆっくりをします
(ゆっくりする)



(1) 絵を見ながら聞きましょう。 (11-15)

Hãy vừa nghe vừa nhìn tranh.

(2) 聞いて言いましょ。 (11-15)

Hãy nghe và nhắc lại.

(3) 聞いて、a-lから選びましょ。 (11-16)

Hãy nghe và chọn từ a-l.

(2) もういちど聞きましょう。どのくらいしますか。ア-カから選んで()に書きましょう。

Hãy nghe lại một lần nữa. Họ làm ở mức độ nào? Hãy chọn từ A-カ để điền vào chỗ trống.

ア. いつも イ. たいてい ウ. よく
エ. ときどき オ. あまり カ. ぜんぜん

① ミゲルさん 🔊 11-17	② ノミンさん 🔊 11-18	③ ^{もりた} 森田さん 🔊 11-19	④ ^{にしかわ} 西川さん 🔊 11-20
^{そうじ} 掃除・ ^{せんたく} 洗濯 ()	^{えいが} 映画 ()	テニス ()	パチンコ ()
^か 買い物 ()	^{にほんご} 日本語の ^{べんきょう} 勉強 ()	ジョギング ()	スポーツ ()
	テレビ ()		

(3) ことばを^{かくにん}確認して、もういちど^き聞きましょう。🔊 11-17 ~ 🔊 11-20

Hãy xác nhận từ vựng và nghe lại một lần nữa.

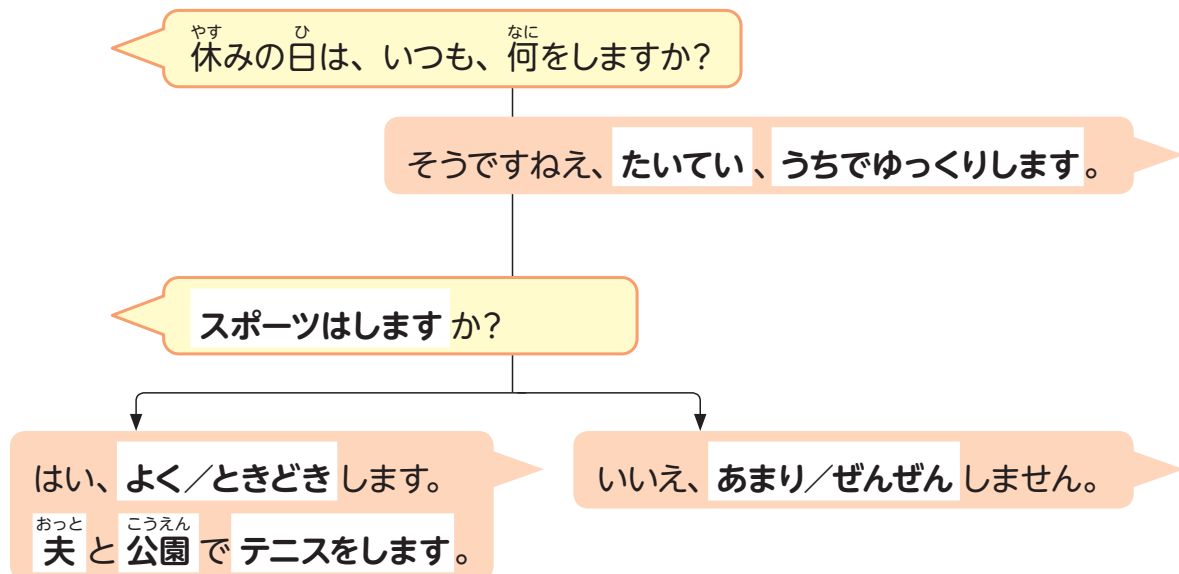
^{そと}外 ^{bên ngoài} | ^{ひとり}1人で ^{một mình} | ^{ごろごろ(する)} ^{không làm gì}

えらいですね ^{Giỏi thế!}

~かなあ ^{かんが}(^{はな}考えながら^{あらわ}話していることを表す ^{thể hiện việc vừa nói vừa suy nghĩ})

3 やす ひ 休みの日にすることを話しましょう。

Hãy nói về những việc làm trong ngày nghỉ.



(1) かいわ き 会話を聞きましょう。🔊 11-23 🔊 11-24

Hãy nghe hội thoại.

(2) シャドーイングしましょう。🔊 11-23 🔊 11-24

Hãy luyện nói đuổi.

(3) **1** のことばを使って、つか れんしゅう 練習しましょう。

Hãy sử dụng từ vựng trong phần **1** và luyện tập.

(4) たが やす ひ なに き お互いに、休みの日に何をするか聞きましょう。

Hãy hỏi nhau làm gì trong ngày nghỉ.

ちょうかい
聴解 スクリプト1. しゅみ なん
趣味は何ですか？①  11-01A：しゅみ なん
趣味は、何ですか？

B：えーと、ゲームです。

A：へー、ゲームですか？

②  11-02A：しゅみ なん
趣味は、何ですか？B：しゅみ か もの す
趣味？ 買い物が好きです。

A：そうですか？

③  11-03A：しゅみ なん
趣味は、何ですか？

B：うーん、アニメが好きです。

A：ああ、アニメ。

④  11-04A：しゅみ なん
趣味は、何ですか？B：しゅみ どくしよ えいが
趣味は、読書と映画です。A：どくしよ えいが
読書と映画、いいですね。⑤  11-05A：しゅみ なん
趣味は、何ですか？B：スポーツです。あと、りょうり す
料理も好きです。

A：いいですね。

⑥  11-06A：しゅみ なん
趣味は、何ですか？B：えーと、おんがく す
音楽が好きです。A：おんがく わたし
音楽、私もです。

3. うちでゆっくりします

①  11-17

もりた 森田：ミゲルさん、やす 休みの日は、いつも、なに 何をしますか？

ミゲル：そうですねえ、わたし 私は、いつも、そうじ 掃除とせんたく 洗濯をします。

あと、よく、とも 友だちと か 買い物 をします。

もりた 森田：そうですか。

②  11-18

もりた 森田：ノミンさんは？

ノミン：わたし 私は、うちでゆっくりします。

もりた 森田：そう。うちで、なに 何をしますか？

ノミン：たいてい、えいが 映画を み みます。

ときどき、にほんご 日本語を べんきょう 勉強 します。

ミゲル：へー、えらいですね。テレビは み 見ますか？

ノミン：ああ、テレビは、あまり み 見ません。

③  11-19

ミゲル：もりた 森田さんは、やす 休みの日は、なに 何をしますか？

もりた 森田：そと 外でスポーツをします。

ノミン：スポーツ、いいですね。

どんなスポーツをしますか？

もりた 森田：たいてい、おっと 夫と こうえん 公園でテニスをします。

あと、ときどき、ひとり 一人でジョギングをします。

ミゲル：へー、いいですね。

④  11-20

ノミン：^{にしかわ}西川さんは？

^{にしかわ}西川：うーん、^{やす}休みの日は、^ひうちでごろごろ……。

ノミン：ごろごろ？

^{にしかわ}西川：ふとんでゆっくり。

あー、ときどき、パチンコをするかなあ。

ミゲル：パチンコ？ ^{なん}何ですか？

^{にしかわ}西川：^{にほん}日本のゲーム。

ミゲル：そうですか。

ノミン：スポーツは？

^{にしかわ}西川：スポーツは、ぜんぜんしないね。

漢 字 の こ と ば

1 読んで、意味を確認しましょう。

Hãy đọc và xác nhận nghĩa của các từ dưới đây.

^よ読みます 読みます 読みます 読みます

^き聞きます 聞きます 聞きます 聞きます

^み見ます 見ます 見ます 見ます

^{ほん}本 本 本 本

^{とも}友だち 友だち 友だち 友だち

^{なに}何 何 何 何

2 ^{かんじ}の漢字に注意して読みましょう。

Hãy chú ý chữ Hán có gạch chân và đọc các câu văn sau.

① A : 休みの日は、何をしますか？

B : たいてい、本を読みます。

② テレビは、あまり見ません。

③ よく、音楽を聞きます。

④ ときどき、友だちと、買い物をします。

3 ^{うえ}上の のことばを、キーボードやスマートフォンで入力しましょう。

Hãy nhập các từ có gạch chân trên đây bằng bàn phím hoặc bằng điện thoại thông minh.

ぶんぽう
文法ノート

①

Nは 何ですか？

しゅみ なん
趣味は、何ですか？

Sở thích của bạn là gì?

- Từ nghi vấn 何 (cái gì) có thể dùng để đặt câu hỏi về nhiều chủ đề khác nhau dưới dạng ~は何ですか?, trong đó những gì mình muốn biết được đưa lên làm chủ đề. Ở ví dụ trên, 何 dùng để hỏi về sở thích.

- 何 có 2 cách đọc là なん và なに.

① Phát âm là なん khi nói với ですか?. Ngoài ra, khi sử dụng kết hợp với các từ khác như dưới đây thì cũng phát âm là なん.

ví dụ: 何歳 (bao nhiêu tuổi), 何枚 (bao nhiêu tờ), 何年 (năm nào), 何月 (tháng mấy), 何日 (ngày mấy), 何曜日 (thứ mấy), 何時 (mấy giờ), and 何分 (mấy phút).

② Phát âm là なに khi nói cùng với các trợ từ như 何を食えますか? (bạn ăn gì?), 何が好きですか? (bạn thích gì).

• 疑問詞「何」は、自分が知りたいことを話題 (トピック) にして「~は何ですか?」の形でさまざまな話題について質問することができます。ここでは、趣味について質問するときに使っています。

• 「何」の読み方には「なん」と「なに」があります。

① 「ですか?」をつけて言うときは、「なん」と発音します。また、次のように、他のことばと組み合わせて使う場合も、「なん」と発音します。

(例) 何歳 何枚 何年 何月 何日 何曜日 何時 何分

② 助詞をつけて言うときは、「何を食えますか?」「何が好きですか?」のように、「なに」と発音します。

【例】 ▶ A: 趣味は、何ですか?
しゅみ なん
Sở thích của bạn là gì?

B: 読書です。
どくしょ
Đọc sách.

▶ A: スポーツは、何が好きですか?
なに す
Bạn thích môn thể thao nào?

B: サッカーが好きです。
す
Tôi thích bóng đá.

▶ A: Smartphone は、日本語で何ですか?
にほんご なん
Smartphone nói thế nào bằng tiếng Nhật?

B: スマホです。
Đây là Sumaho.

②

どんなN

どんなスポーツが^す好きですか？

Bạn thích môn thể thao nào?

- どんな là từ nghi vấn được đặt trước danh từ, ví dụ như どんなスポーツ (môn thể thao nào), dùng để yêu cầu giải thích. Trong bài này, どんな được dùng để hỏi về thể loại hay tác phẩm trong thể thao, phim ảnh, âm nhạc, v.v..

- 「どんな」は疑問詞で、「どんなスポーツ」のように、名詞の前に置かれて、それについて説明を求めるときに使います。この課では、スポーツ、映画、音楽などについて、ジャンルや作品などをたずねるときに使っています。

[例] ▶ A : どんな^{えいが}映画が^す好きですか？
ví dụ Bạn thích bộ phim nào?

B : アクション映画が^す好きです。
Tôi thích phim hành động.

▶ A : どんな^{ほん}本を、よく^よ読みますか？
Bạn hay đọc sách nào?

B : ミステリーが^す好きです。
Tôi thích truyện bí ẩn.

③

あまり

ナ A- じゃないです

< mức độ ^{ていど}程度 >

イ A- くないです

スポーツは、あまり^す好きじゃないです。

Tôi không thích thể thao lắm.

- Đây là cách nói biểu thị mức độ. Sử dụng cùng với tính từ.
- あまり là một phó từ, khi được dùng cùng với thể phủ định của tính từ, ví dụ như ～はあまり好きじゃないです (Tôi không thích ~ lắm) thì biểu thị mức độ không cao. Một phó từ tương tự là ぜんぜん (hoàn toàn không).
- Để biểu thị mức độ cao thì sử dụng phó từ とても (rất) đã học ở bài 7. Khi nói điều mình thích thì dùng ～がとても好きです (Tôi rất thích). Ngoài ra, cũng có thể sử dụng ^{だいす}大好き(な) (rất thích) để nói ～が大好きです (Tôi rất thích ~).

- 程度を表す言い方です。形容詞と使います。
- 「あまり」は副詞で、「～はあまり好きじゃないです」のように形容詞の否定形といっしょに使うと、程度が高くないことを表します。同じような副詞に「ぜんぜん」があります。
- 程度が高いことを表すには、第 7 課で勉強した副詞「とても」を使います。好きなものを言うときは、「～がとても好きです」のように言います。また、「大好き(な)」を使って「～が大好きです」と言うこともできます。

[例] ▶ A : 田中^{たなか}さんは、アニメが^す好きですか？
ví dụ Tanaka-san có thích anime không?

B : あまり^す好きじゃないです。
Tôi không thích lắm.

- ▶ A : 趣味は、何ですか？
Sở thích của bạn là gì?
- B : 映画です。ホラーが大好きです。
Xem phim. Tôi rất thích phim kinh dị.
- ▶ A : 部屋は広いですか？
Căn phòng có rộng không?
- B : ぜんぜん広くないです。でも、とてもきれいです。
Hoàn toàn không rộng. Nhưng rất đẹp.

4

いつも／たいてい／よく／ときどき V-ます < 頻度 頻度 >
あまり／ぜんぜん V-ません

休みの日は、たいてい、映画を見ます。
Vào ngày nghỉ, tôi thường xem phim.

スポーツは、ぜんぜんしないね。
Tôi hoàn toàn không chơi thể thao.

- Đây là cách nói biểu thị tần suất. Sử dụng cùng với động từ.
- いつも (luôn luôn), たいてい (thường) và よく (thường, hay) biểu thị tần suất cao. ときどき (thỉnh thoảng) biểu thị tần suất ở giữa.
- あまり (không ~ lắm), ぜんぜん (hoàn toàn không) được dùng với thể phủ định của động từ, biểu thị tần suất không cao.

- 頻度を表す言い方です。動詞と使います。
- 「いつも」「たいてい」「よく」は頻度が高いことを表します。「ときどき」は中間ぐらいです。
- 「あまり」「ぜんぜん」は動詞の否定形といっしょに使い、頻度が低いことを表します。

- 【例】 ▶ A : 休みの日は、いつも、何をしますか？
Vào ngày nghỉ bạn luôn làm gì?
- B : たいてい、うちでゆっくりします。ときどき、散歩をします。
Tôi thường thong thả ở nhà. Thỉnh thoảng tôi đi bộ.
- ▶ A : 夜、何をしますか？
Bạn làm gì buổi tối?
- B : よく本を読みます。
Tôi hay đọc sách.
- A : テレビを見ますか？
Bạn có xem tivi không?
- B : テレビは、あまり見ません。
Tôi không mấy khi xem.

◆ Các cách nói tần suất, mức độ 頻度、程度の言い方

	cao 高い	→				thấp 低い
tần suất 頻度 (+ động từ)	いつも	たいてい	よく	ときどき	あまり	ぜんぜん
mức độ 程度 (+ナA/イA)	とても				あまり	ぜんぜん

⑤

[^{ひと} người 人] と
[^{ばしょ} địa điểm 場所] で V- ます

^{おっと こうえん}
夫と公園でテニスをします。
Tôi chơi tennis với chồng ở công viên.

- Trợ từ と đứng sau danh từ chỉ người, biểu thị người cùng thực hiện động tác, hành động.
- Trợ từ で đứng sau danh từ chỉ địa điểm, biểu thị nơi diễn ra động tác, hành động.
- Trong câu động từ, bộ phận diễn tả làm việc gì (động từ) đứng ở cuối câu. Thứ tự các yếu tố khác như いつ、だれと、どこで được đặt tự do.
- 助詞「と」は、人を表す名詞のあとについて、動作・行為をいっしょにする人を示します。
- 助詞「で」は、場所を表す名詞のあとについて、動作・行為の場所を示します。
- 動詞文では、何をするかを示す部分（動詞）は文の最後に置かれます。それ以外の要素、例えば、いつ、だれと、どこでなどを示す部分の語順は自由です。

^{れい} [例] ▶ ^{やす ひ} 休みの日は、^{とも か もの} ときどき、友だちと買い物します。
^{ví dụ} Tôi thỉnh thoảng đi mua sắm với bạn bè vào ngày nghỉ.

^{よる} ▶ ^{おんがく き} 夜は、うちで音楽を聞きます。
Buổi tối, tôi nghe nhạc ở nhà.

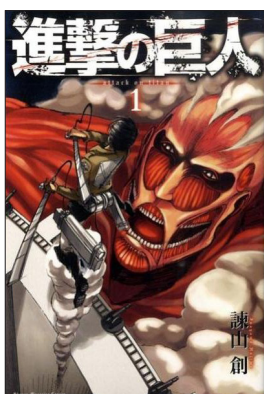
^{にちようび} ▶ ^{こ そと あそ} 日曜日は、いつも、子どもと外で遊びます。
Vào ngày chủ nhật, tôi luôn chơi bên ngoài với con.

日本の生活
TIPS● にほん 日本のマンガ Truyện tranh Nhật Bản

Người ta nói rằng một phần ba số ấn phẩm ở Nhật Bản là manga (truyện tranh). Không chỉ trẻ con mà người lớn cũng hay đọc manga. Có nhiều thể loại như hành động, giả tưởng, lãng mạn, thể thao, bí ẩn, khoa học viễn tưởng, hài hước, lịch sử, nấu ăn, người lớn, v.v.. Ngoài ra, manga chuyển thể từ các tác phẩm văn học cổ điển của Nhật Bản và thế giới, manga tùy bút, how-to manga như "Nhập môn kinh tế Nhật Bản trong manga", "Tìm hiểu thuyết tương đối thông qua manga" cũng được xuất bản nhiều. Gần đây, ngoài các ấn phẩm giấy, ngày càng nhiều manga có thể đọc thông qua các ứng dụng trên điện thoại thông minh. Có thể thường xuyên nhìn thấy hình ảnh người đọc manga bằng điện thoại trên tàu.

Tác phẩm mới trước tiên được đăng thành nhiều kỳ trên tạp chí manga như "Shonen Jump", sau đó mỗi tác phẩm được tập hợp thành một tập sách. Hiện nay, sách manga được dịch sang tiếng nước ngoài nên có nhiều người hâm mộ manga Nhật Bản trên khắp thế giới. Các tác phẩm như "NARUTO", "One Piece", "Đại Chiến Titan", "Thanh Gươm Diệt Quỷ" đặc biệt được yêu thích ở nước ngoài; và cũng có nhiều người thích cosplay - bắt chước điệu bộ của các nhân vật.

Dragon Ball xuất hiện trong bài khóa là một bộ manga của Toriyama Akira. Truyện được đăng nhiều kỳ trên "Weekly Shonen Jump" từ năm 1984 đến 1995, sau đó chuyển thể thành phim hoạt hình, phim Hollywood. Hơn 250 triệu bản sách đã được bán ra trên toàn thế giới.



"Đại chiến Titan"
「進撃の巨人」

日本では、出版物の3分の1がマンガだと言われています。マンガは子どもだけでなく、大人もよく読みます。アクション、ファンタジー、恋愛、スポーツ、ミステリー、SF、ギャグ、歴史、料理、アダルトなど、ジャンルもさまざまなものがあります。日本や世界の古典的な文学作品をマンガにしたものや、エッセイマンガ、「マンガ日本経済入門」「マンガでわかる相対性理論」のようなハウツーマンガも多数出版されています。最近では、紙の出版物だけではなく、スマホでアプリを使って読むタイプのマンガも増えています。電車の中ではスマホを使ってマンガを読む人の姿もよく見られます。

新しい作品は、はじめに「少年ジャンプ」のようなマンガ雑誌に連載され、そのあとで作品ごとに単行本にまとめられます。マンガの単行本は現在では外国語にも翻訳されるので、海外にも日本のマンガのファンが多数います。『NARUTO』『ONE PIECE』『進撃の巨人』『鬼滅の刃』などは、海外でも特に人気があり、登場人物の格好をまねた「コスプレ」は、海外でも多くの愛好者がいます。

本文に登場した『ドラゴンボール』は、鳥山明によるマンガです。1984～1995年に「週刊少年ジャンプ」に連載され、その後アニメやハリウッド映画にもなりました。単行本は全世界で2億5000万部以上売られています。

● にほん 日本のゲーム Trò chơi điện tử Nhật Bản

Cùng với anime (phim hoạt hình), manga (truyện tranh), trò chơi điện tử là một phần văn hóa đại chúng tiêu biểu của Nhật Bản, có người hâm mộ trên khắp thế giới. Năm 1983, Nintendo ra mắt Famicom (máy tính gia đình) và văn hóa trò chơi điện tử Nhật Bản lập tức lan rộng đến các gia đình. Những trò chơi tiêu biểu như "Super Mario Bros.", "Dragon Quest", "Final Fantasy" cũng đã ra đời. Sau đó, nhiều thiết bị chơi điện tử đã được phát hành, chẳng hạn như Super Famicom, PlayStation, Sega Saturn, Wii. Nói đến trò chơi điện tử thì cũng có thể liên hệ đến hình ảnh đen tối là giam mình trong phòng, chơi một mình đến đêm khuya. Tuy nhiên, ngày nay có nhiều cách để chơi như các gia đình ra ngoài mang theo điện thoại thông minh để bắt Pokémon của Pokémon GO, chơi với bạn bè trong không gian giả tưởng của *Animal Crossing: New Horizons* trên Nintendo Switch, v.v..





日本のゲームは、アニメ、マンガと並んで日本を代表するポップカルチャーの1つで、世界中にファンがいます。1983年、任天堂がファミコン（ファミリーコンピュータ）を発売し、日本のゲーム文化は一気に家庭に広がりました。「スーパーマリオブラザーズ」「ドラゴンクエスト」「ファイナルファンタジー」など、代表的なコンテンツも生まれました。その後、スーパーファミコン、プレイステーション、セガサターン、Wiiなどさまざまなゲーム機が発売されてきました。

ゲームといえば部屋に閉じこもって1人で夜遅くまで行うような、暗いイメージもありますが、現在では、親子で街に出かけ、スマホを持ちながら「Pokémon GO」のポケモンを集めたり、友だち同士でNintendo Switchの「あつまれ どうぶつの森」の仮想空間でいっしょに遊んだりなど、楽しみ方も広がってきています。

にほん ぶんがく 日本の文学

Văn học Nhật Bản

Cho đến nay, nhiều tác phẩm văn học của Nhật Bản đã được dịch ra tiếng nước ngoài và được đọc trên khắp thế giới.

Murakami Haruki (1949-), người được nhắc đến trong ví dụ ở bài khóa là một nhà văn tiêu biểu của Nhật Bản hiện đại. Các tác phẩm tiêu biểu bao gồm "Rừng Nauy", "Kafka bên bờ biển" và "1Q84". Natsume Soseki (1867-1916) là nhà văn của thời đại Minh Trị với các tác phẩm tiêu biểu được biết đến là "Tôi là một con mèo", "Botchan", "Kokoro" và "Sanshiro" của Soseki được đưa vào sách giáo khoa môn ngữ văn cấp 3, vì vậy có thể nói rằng nếu là người Nhật thì ai cũng đã từng một lần đọc tiểu thuyết của Soseki.

Ngoài ra, các tác phẩm của tác giả nhận giải Nobel văn học như Kawabata Yasunari (1899-1972) và Oe Kenzaburo (1935-); hay các tác phẩm của Akutagawa Ryunosuke (1892-1927), Mishima Yukio (1925-1970), Abe Kobo (1924-1993), Yoshimoto Banana (1964-) cũng đã được dịch và nổi tiếng ở nước ngoài. Bên cạnh đó, "Truyện kể Genji" của Murasaki Shikibu viết hơn 1000 năm trước không chỉ được dịch ra nhiều thứ tiếng mà còn được các nhà văn đương đại chuyển sang ngôn ngữ hiện đại.

Các tác phẩm của Akagawa Jiro (1948-) - nhà văn viết truyện bí ẩn theo phong cách hội thoại dễ đọc, Hoshi Shinichi (1926-1997), người đã khai phá thể loại truyện cực ngắn chỉ vài trang được coi là tiêu biểu cho nhập môn văn học mà người học tiếng Nhật đọc bằng tiếng Nhật. Hơn nữa, tiểu thuyết ngắn (*ranobe*) viết theo cách dễ giới trẻ dễ đọc được giữ nguyên bản tiếng Nhật hoặc dịch ra tiếng nước ngoài đã thu hút người hâm mộ trên thế giới.

現在までに、多くの日本の文学作品が外国語に翻訳され、世界中で読まれています。

本文で例に挙げられている村上春樹(1949-)は、現代の日本を代表する作家です。代表作には『ノルウェイの森』『海辺のカフカ』『1Q84』などがあります。夏目漱石(1867-1916)は、明治時代の作家で、代表作として『我が輩は猫である』『坊っちゃん』がよく知られています。漱石の『こころ』や『三四郎』は高校の国語の教科書にも取り上げられるなど、日本人ならだれでも1度は漱石の小説を読んだことがあると言えます。

このほかノーベル文学賞を受賞した川端康成(1899-1972)と大江健三郎(1935-)をはじめ、芥川龍之介(1892-1927)、三島由紀夫(1925-1970)、安部公房(1924-1993)、吉本ばなな(1964-)などの作品が翻訳され、海外でも有名です。また、今から1000年以上前に書かれた紫式部の『源氏物語』は、さまざまな言語への翻訳だけでなく、現代の作家による現代語訳も出ています。

一方、会話体による読みやすい文体でミステリーを書いた赤川次郎(1948-)や、1つの作品が数ページで完結する「ショートショート」という分野を確立した星新一(1926-1997)の作品は、日本語学習者が日本語で読む文学の入門として、定番になっています。さらに、若者が気軽に読めるように書かれた「ライトノベル(ラノベ)」という分野の小説も、日本語のまま、または外国語に翻訳されて、海外のファンを獲得しています。



Murakami Haruki
村上春樹



Natsume Soseki
夏目漱石

● サッカー／ラグビー Bóng đá/ bóng bầu dục



Cùng với bóng chày, bóng đá là một môn thể thao rất phổ biến tại Nhật Bản. Đặc biệt kể từ khi bóng đá trở thành môn thể thao chuyên nghiệp vào năm 1993 và giải J. League bắt đầu thì sự hâm mộ bóng đá được duy trì, số người chơi cũng nhiều hơn so với bóng chày. Vào những ngày các trận đấu quốc tế có đội tuyển quốc gia Nhật Bản tham dự được tổ chức, nhiều người hâm mộ bóng đá theo dõi trên tivi.

Đặc trưng của J-League là các đội bóng được thành lập đều gắn liền với địa phương. J-League hiện nay có 3 giải từ J1 đến J3 và tổng cộng có khoảng 60 đội. Tất cả các đội đều lấy tên quê hương, chẳng hạn như Urawa Red Diamonds, Gamba Osaka nên được người hâm mộ

của địa phương ủng hộ. Nếu sống ở Nhật, bạn hãy thử kiểm tra đội bóng của địa phương nhé.

Bóng bầu dục cũng là một môn thể thao được yêu thích ở các trường cấp 3 và đại học. Đặc biệt, giải vô địch bóng bầu dục các trường đại học trên toàn quốc để tìm ra đội tuyển trường đại học số 1 của Nhật Bản diễn ra rất sôi động hàng năm. Các bộ phim truyền hình về chủ đề bóng bầu dục cũng được sản xuất.

Đội tuyển bóng bầu dục quốc gia Nhật Bản cho đến gần đây không được hâm mộ lắm vì hầu như không thể chiến thắng tại các giải đấu quốc tế. Tuy nhiên, trong trận đấu gặp Nam Phi tại giải vô địch bóng bầu dục thế giới được tổ chức ở Anh năm 2015, Nhật Bản đã ngược dòng giành chiến thắng ngay trước khi trận đấu kết thúc và lập tức gây được sự chú ý trong và ngoài nước. Sau đó vào năm 2019, Nhật Bản là nước chủ nhà tổ chức giải vô địch thế giới và bóng bầu dục cũng đã trở thành môn thể thao chính tại Nhật. Cụm từ *niwaka fan* để chỉ những người đột nhiên trở thành người hâm mộ bóng bầu dục trong thời gian diễn ra world cup cũng thịnh hành.

Ở Nhật Bản, bóng đá và bóng bầu dục có đặc điểm là đồng phục của đội tuyển quốc gia khác nhau hoàn toàn. Đồng phục của đội tuyển bóng đá có màu xanh lam và được gọi là "Samurai Blue". Đồng phục của đội tuyển bóng bầu dục có các sọc ngang màu đỏ và trắng, biểu tượng cho hoa anh đào (do vậy đội được gọi thân mật là "Brave Blossoms"). Đây cũng là điều tương đối hiếm trên thế giới, đặc biệt đồng phục của đội tuyển bóng đá không liên quan đến màu sắc của quốc kỳ. Vì vậy, những người không rành về bóng đá có thể không biết đâu là đội tuyển Nhật Bản khi xem trận đấu trên tivi.

Nếu bạn muốn chơi bóng đá hoặc bóng bầu dục thì hãy thử tra cứu tạp chí thông tin của địa phương hay bảng tin trực tuyến, v.v. vì các đội nghiệp dư dành cho người lớn ở địa phương đôi khi đăng tuyển thành viên.



サッカーは、日本では野球と並んで盛んなスポーツです。特に、1993年にサッカーがプロ化されて「Jリーグ」が始まってからは、サッカー人気も安定し、競技人口は野球より多くなっています。日本代表チームの国際試合が行われる日には、多くのサッカーファンがテレビで観戦します。

Jリーグの特徴として、地域に根ざしたチーム作りがあります。Jリーグは現在、J1リーグからJ3リーグまでの3部があり、全部で約60ほどのチームがあります。すべてのチームは「浦和レッズ」「ガンバ大阪」のように、チーム名にホームタウンとなる地域名をつけているので、地元ファンに応援されています。日本に住んだら、地元のチームをチェックしてみるといいでしょう。

ラグビーは、高校や大学のスポーツとしても人気があり、特に大学チームの日本一を決める全国大学ラグビー選手権は、毎年とても盛り上がりがあります。ラグビーをテーマにしたドラマも作られています。

ラグビー日本代表チームは、世界的な大会ではほとんど勝てないチームとして、これまではあまり人気があるとは言えませんでした。しかし、2015年にイングランドで行われたラグビー・ワールドカップの南アフリカ戦で、試合終了直前に逆転勝利をしたことで、国内外で一気に注目されます。そのあと2019年には日本をホスト国としてワールドカップが開催され、ラグビーは日本でもメジャーなスポーツとなりました。ワールドカップを機会に急にラグビーファンになった人を指す「にわかファン」ということばも流行しました。

日本は、サッカーとラグビーで、日本代表チームのユニフォームが全然違うのが特徴です。サッカーの日本代表チームのユニフォームは青で、「サムライブルー」と呼ばれています。ラグビーの日本代表のユニフォームは赤と白の横縞に、桜のエンブレムがついています（そこから、日本チームには「Brave Blossoms」という愛称がついています）。これは世界的には比較的めずらしく、特にサッカーは国旗の色と関係ないことから、サッカーにあまりくわしくない人がテレビを見ると、どちらが日本チームかわからないということもあるそうです。

サッカー、ラグビーをプレイしたい場合、地元の社会人アマチュアチームがタウン情報誌やネットの掲示板などに募集を出していることがありますので、調べてみましょう。

● パチンコ Pachinko

Pachinko là một trò chơi tương tự như pinball. Máy *pachinko* được làm bởi những chiếc đinh đóng vào tấm ván thẳng đứng được bao phủ bằng thủy tinh, trên đó có một số lỗ. Khi viên bi pachinko được bắn từ dưới lên và rơi xuống, nếu vào được lỗ đặc thù thì sẽ nhận lại số lượng bi nhiều hơn. Có một số máy *pachinko* liên tục trả lại nhiều bi nếu trúng vào *atari* (thắng lớn). Khi nhận được nhiều viên bi *pachinko* thì có thể đổi lấy các phần quà.

Cửa hàng *pachinko* có ở khắp nơi trên cả nước. Tại các thành thị, cửa hàng nằm trong phố mua sắm; tại các địa phương, cửa hàng với bãi đỗ xe lớn nằm dọc trục đường chính. *Pachinko* là một trò giải trí cho dân thường mà từ giới trẻ (tuy nhiên cấm trẻ em dưới 18 tuổi) đến người già đều có thể chơi vui vẻ.

Mặt khác, phần quà đổi của *pachinko* có thể được mua lại ở các cửa hàng khác gần đó và đổi thành tiền mặt. Do vậy, pachinko một mặt thực tế tương tự như cờ bạc. *Pachinko* là một trò giải trí của Nhật Bản có thể thử chơi một cách dễ dàng nhưng hãy chú ý đừng quá sa đà vào cờ bạc.



パチンコは、ピンボールに似たゲームです。パチンコ台は、ガラスが貼られた垂直の板に釘が打たれていて、いくつか穴が開いています。下からパチンコ玉が弾かれて落ちるとき、玉が特定の穴に入ると、玉が増えて返ってきます。パチンコ台の中には、「当たり」が出たらたくさん玉が返ってくる時間が続くものもあります。パチンコの玉をたくさん増やせば、景品と交換してもらえます。

パチンコ店は全国各地にあり、都会では商店街の中に、地方では幹線道路沿いに広い駐車場を持ったパチンコ店があります。パチンコは若者（ただし18歳未満は禁止）からお年寄りまでが楽しめる、一般庶民の娯楽となっています。

一方で、パチンコの景品は、近くにある別の店で買い取ってもらって現金に換えることも可能です。そのため、パチンコは実際にはギャンブルと同様の存在になっているという一面もあります。パチンコは気軽にやってみることができる日本の娯楽ですが、ギャンブルにははまりすぎないように、注意してください。